

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 71/2020/ HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2020
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
2. Bà Nguyễn Thị Thuởng

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Trịnh Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2020/QĐST-DT ngày 19/8/2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1985

Bị đơn: Anh Lê Thanh Q, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Phố T phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Thanh Q kết hôn với nhau vào ngày 07/11/2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, chuyện bé xé ra to. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh Lê Thanh Q.

Về con chung: Chị H và anh Lê Thanh Q có 02 con chung là cháu Lê Ngọc A, sinh ngày 16/5/2006 và cháu Lê Ngọc L, sinh ngày 22/8/2012. Nguyên vọng của chị H khi ly hôn xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000đ/1tháng. Tại phiên tòa, chị H có ý kiến nếu chị không được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con thì nguyên vọng của chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc L còn giao cháu Lê Ngọc A cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Thanh Q trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn anh Q đồng ý như chị Hằng trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn lớn. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh không đồng ý vì mâu thuẫn chỉ là nhỏ nhặt, vợ chồng có thể tự giải quyết được. Lý do chị H xin ly hôn vì lâm vào cảnh nợ nần nên từ ngày 14/3/2020 đến nay chị ằng không về nhà mà ở tại nhà mẹ đẻ. Gia đình hai bên đã động viên, khuyên nhủ chị H về nhà để vợ chồng cùng nhau giải quyết nợ nần nhưng chị H vẫn không quay về.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Lê Ngọc A, sinh ngày 16/5/2006 và cháu Lê Ngọc L, sinh ngày 22/8/2012. Nguyên vọng của anh Q khi ly hôn xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu chị H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Anh Q không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, cháu Lê Ngọc L và cháu Lê Ngọc A có nguyên vọng được ở với mẹ.

Toà án tiến hành thu thập chứng cứ, tại biên bản xác minh do địa phương cung cấp thể hiện: Anh Q và chị H kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố H. Sau khi kết hôn anh Q và chị H sinh sống tại phố T, phường Đ. Trong quá trình chung sống, anh Q và chị H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm được. Hiện nay anh, chị đã sống ly thân, anh Q vẫn đang sinh sống tại địa phương còn chị H đã về nhà mẹ đẻ ở. Việc chị H có đơn xin ly hôn, đề nghị Toà án căn cứ theo pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn: Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ hai lần đối với bị đơn để tham gia phiên tòa nhưng anh Q không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thu H.

Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc L cho chị Hằng trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Ngọc A cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn là anh Lê Thanh Q hiện đang cư trú tại thành phố H, tỉnh Thanh Hóa, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Q đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Chị H đề nghị Toà án tiến hành xét xử vụ án, nên Toà án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt anh Q là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân:

Chị Phạm Thị Thu H và anh Lê Anh Q kết hôn năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra cãi vã lẫn nhau. Hiện nay anh, chị đã sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chung xây cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây chị H không còn tình cảm với anh Q, vợ chồng không có trách nhiệm với nhau. Anh Q không đồng ý ly hôn chị Hg, mong muốn chị H quay về nhà để vợ chồng tìm cách giải quyết việc nợ nần nhưng chị H không đồng ý quay về, không cần đến sự hỗ trợ của anh Q.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên chị H nên suy nghĩ kỹ trước khi quyết định việc ly hôn nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn anh Q. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh Q không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó nếu buộc anh, chị về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng không thể cải thiện được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều

56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Thu H về việc xin ly hôn anh Lê Thanh Q.

[3] Về con chung: Chị H và anh Q đều công nhận có 02 con chung là cháu Lê Ngọc A, sinh ngày 16/5/2006 và cháu Lê Ngọc L, sinh ngày 22/8/2012.

Nguyên vọng của chị Hằng khi ly hôn xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Chị yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000đ/1 tháng. Tại phiên tòa, chị H có ý kiến nếu chị không được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con thì nguyên vọng của chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc L còn giao cháu Lê Ngọc A cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên vọng của anh Q nếu phải ly hôn xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu chị H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét nguyên vọng được trực tiếp nuôi con của các bên đương sự thấy: Cha, mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con cái. Song việc giao con cho ai nuôi cần xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con để không ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của trẻ nhỏ. Chị H và anh Q đều có sức khỏe, có nơi ở, có việc làm và thu nhập ổn định. Hai người đều có nguyên vọng được trực tiếp nuôi con và có đủ điều kiện nuôi con do đó Hội đồng xét xử xét thấy giao mỗi người nuôi dưỡng một cháu là phù hợp. Cháu Ngọc L còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ nên giao cháu Ngọc L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Ngọc A cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng và hai bên không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Chị H và anh Q thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu H được ly hôn anh Lê Thanh Q.

- Về con chung: Công nhận chị Phạm Thị Thu H và anh Lê Thanh Q có 02 con chung là cháu Lê Ngọc A, sinh ngày 16/5/2006 và cháu Lê Ngọc L, sinh ngày 22/8/2012. Giao cháu Lê Ngọc L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lê

Ngọc A cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H và anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị H và anh Q thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị Thu H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2018/0001072 ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Chị H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Q vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát cấp cao;
- VKSND TP H;
- Chi cục THA - TP H;
- UBND phường Đ;
- Lưu hồ sơ .

Đã ký

Trương Thị Anh